

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 10/2021/HSST*

*Ngày: 09/3/2021*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng**

**Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Duy Cừ**

**- Ông Dương Cao Sơn.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 24/02/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Trí Th**, Sinh ngày: 15/3/1981; Nơi sinh: phường Bắc H, thành phố H, tỉnh Hà T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường Bắc H, thành phố H, tỉnh Hà T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trí H và bà: Trần Thị L; Vợ: Không (trước đây kết hôn với chị Nguyễn Thị Th, hiện đã ly hôn); Con: có 01 con, sinh năm 2008; Tiền sự: Không; Tiền án: 03, ngày 05/01/2011 bị TAND huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 04/2011/HSST. Thi hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Lộc đến ngày 13/10/2011 chấp hành xong án phạt tù. Đến nay, bị cáo Nguyễn Trí Th chưa thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; ngày 25/01/2016 bị TAND thành phố Hà Tĩnh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 02/2016/HSST. Thi hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến ngày 26/4/2018 chấp hành xong án phạt tù; ngày 27/11/2019 bị TAND thành phố Hà Tĩnh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, tại Bản án số 84/2019/HSST. Thi hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến ngày 19/9/2020 chấp hành xong án phạt tù; Nhân thân: ngày 03/6/1997 bị UBND tỉnh

Hà Tĩnh ra Quyết định số 667/QĐ/UBND-NC đưa vào Trường giáo dưỡng thời gian 18 tháng; chấp hành xong ngày 27/12/1998; ngày 26/3/2001 bị Công thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 05 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức cảnh cáo; ngày 23/10/2001 bị UBND tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 2489/QĐ/UBND-NC đưa vào Cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 18/01/2004; ngày 30/8/2004 bị UBND tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 1544/QĐ/UBND-NC đưa vào Cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 30/9/2006; ngày 27/11/2008 bị TAND thành phố Hà Tĩnh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 55/2008/HSST. Thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh đến ngày 18/4/2009 chấp hành xong án phạt tù (đã thi hành xong bản án); ngày 23/9/2009 bị TAND thành phố Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 29/2009/HSST. Thi hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến ngày 06/4/2010 chấp hành xong án phạt tù (đã thi hành xong bản án); ngày 05/12/2012 bị UBND tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 3622/QĐ-UBND đưa vào Cơ sở giáo dục thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 08/6/2014; ngày 04/6/2015 bị Công an phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh ra Quyết định số 708 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức cảnh cáo.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà T. (có mặt tại phiên tòa).

**2. Lê Văn N**, Sinh ngày: 06/9/1993; Nơi sinh: xã Thạch Tr, huyện Thạch H, tỉnh Hà T; Nơi cư trú: Tổ dân phố Văn Th, phường Văn Y, thành phố H, tỉnh Hà T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: có 03, ngày 27/08/2015 bị TAND huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 23/2015/HSST. Thi hành án tại Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đến ngày 02/05/2016 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 27/10/2016 bị TAND thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 55/2016/HSST. Thi hành án tại Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến ngày 02/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 23/5/2018 bị TAND thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, tại Bản án số 28/2018/HSST. Thi hành án tại Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến ngày 05/6/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà T (có mặt tại phiên tòa).

\* **Bị hại:** Chị Bùi Thị Th; sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; Trú tại: thôn Trung Ph, xã Thạch Th, huyện Thạch H, tỉnh Hà T; Chỗ ở hiện nay:

Số 16, ngõ 41, đường Hàm Ngh, thành phố H, tỉnh Hà T (vắng mặt).

\* **Người làm chứng:** Anh Dương Văn Th; sinh năm: 1987; Trú tại: Số 258, đường Nguyễn Công Tr, thành phố H, tỉnh Hà T (vắng mặt).

\* **Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N:** Ông Nguyễn Khánh Toàn- Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 04/12/2020 khi đang ở cùng nhau tại phòng 207 nhà nghỉ CKM thuộc phường Trần Ph, thành phố H, tỉnh Hà T, Nguyễn Trí Th rủ Lê Văn N đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý. Th và N đi bộ đến khu vực phường Hà Huy T tìm kiếm nhà nào có tài sản dễ đột nhập thì trộm cắp. Khoảng 3 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến dãy nhà trọ ở địa chỉ số nhà 16, ngõ 41 đường Hàm Ngh, thuộc phường Hà Huy T, thành phố H thì thấy cổng dãy nhà trọ không đóng nên N và Th đi vào để trộm cắp. Th nhìn thấy phòng trọ đầu tiên của dãy nhà trọ là phòng của chị Bùi Thị Th (sinh năm 1991, trú tại xã Thạch Th, huyện Thạch H, tỉnh Hà T) có khe hở ở cánh cửa và nhìn thấy chót cửa bên trong. Th lấy 01 chiếc móc phơi quần áo bằng kim loại trước khu vực phòng trọ, uốn cong một đầu rồi luồn vào bên trong kéo mở được chót cửa phòng của chị Th. N đứng ngoài khoảng cách 4m để canh giới cho Th, còn Th quan sát thấy mọi người trong phòng đang ngủ nên lén lút đi vào bên trong phòng của chị Th lấy trộm 01 máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAP A6 đang sạc pin để dưới nền nhà. Th cầm máy tính bảng trộm cắp được đưa lại cho N cầm rồi cùng đi về phòng 207 nhà nghỉ CKM để ngủ. Khoảng 07 giờ cùng ngày 04/12/2020, Lê Văn N mang chiếc máy tính bảng trộm cắp được đi đến bán cho anh Dương Văn Th (sinh năm 1987, trú tại phường Tân G, thành phố H) là chủ quán cửa hàng điện tử số 258 đường Nguyễn Công Tr, thành phố H, anh Th không biết máy tính bảng là tài sản trộm cắp nên đồng ý mua với giá 600.000 đồng. Sau khi mua chiếc máy tính bảng trên, anh Th bán lại cho một khách hàng không quen biết nên không thu hồi được. Còn số tiền bán máy tính bảng 600.000 đồng, Th và N tiêu xài chung hết. Quá trình điều tra, Nguyễn Trí Th và Lê Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá tài sản số 44/KLĐG ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố H thì 01 máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAP A6 trị giá 3.500.000 đồng

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSTPHT ngày 05/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Trí Th, Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trí Th từ 24 đến 30 tháng tù; Lê Văn N từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Trí Th có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động tự do, thu nhập không ổn định; bị cáo Lê Văn N thuộc diện hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trí Th, Lê Văn N hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, bị hại chị Bùi Thị Th yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị chiếc máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAP A6, không thu hồi được trị giá 3.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N hoàn toàn nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được đề nghị áp dụng đối với bị cáo N. Tuy nhiên, cần xem xét cho hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:**

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Kiểm sát viên và cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

#### **[2]. Về chứng cứ xác định tội danh:**

2.1. Tại phiên tòa, Nguyễn Trí Th, Lê Văn N khai nhận: Khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 04/12/2020 tại nhà trọ ở địa chỉ số 16, ngõ 41, đường Hàm Nghi thuộc phường Hà Huy T, thành phố H, tỉnh Hà T. Nguyễn Trí Th và Lê Văn N đã trộm cắp 01 máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAP A6 trị giá 3.500.000 đồng của chị Bùi Thị Th rồi đem bán cho anh Dương Văn Th được 600.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Nguyễn Trí Th và Lê Văn N thu lợi bất chính số tiền 600.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của các bị cáo đột nhập, bí mật lén lút chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 3.500.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ

năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Nguyễn Trí Th, Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Trí Th, Lê Văn N đều có 03 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

2.2. Trong vụ án này, có anh Dương Văn Th là người mua chiếc máy tính bảng từ bị cáo Lê Văn N nhưng không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập hình thức xử lý đối với anh Th là phù hợp.

**[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:***

Xét vai trò của các bị cáo: Nguyễn Trí Th là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính, Lê Văn N là đồng phạm giữ vai trò người thực hành tích cực.

Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Trí Th có bố là người có công với nước (được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba), Lê Văn N gia đình có hoàn cảnh khó khăn (hộ cận nghèo) là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: các bị cáo đều là những đối tượng đã có tiền án, có nhân thân nhiều lần bị kết án. Tuy nhiên, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân ra tù được thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội. Qua đó, chứng tỏ các bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo nên cần lên một mức án nghiêm minh. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện răn đe, cải tạo và giáo dục đối với các bị cáo.

**[4]. *Về hình phạt bổ sung:*** bị cáo Nguyễn Trí Th có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động tự do, thu nhập không ổn định; bị cáo Lê Văn N thuộc diện hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử Quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

**[5]. *Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị đối với các bị cáo là thỏa đáng.

**[6]. *Về trách nhiệm dân sự:*** Bị hại chị Bùi Thị Th yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 3.500.000 đồng (01 chiếc máy tính bảng không thu hồi được). Hội đồng xét xử nhận thấy: yêu cầu của chị Th là có căn cứ cần được chấp nhận, buộc bị cáo Th, N phải liên đới bồi thường cho chị Th số tiền 3.500.000 đồng (bị cáo Th phải bồi thường số tiền 1.750.000 đồng, bị cáo N phải bồi thường số tiền 1.750.000 đồng) là đúng quy định tại các Điều 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

[7]. *Về án phí*: bị cáo Nguyễn Trí Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo N thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự,*

Tuyên bố **Nguyễn Trí Th** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt: **Nguyễn Trí Th 30 (ba mươi) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2020.

*Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự,*

Tuyên bố **Lê Văn N** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt: **Lê Văn N 27 (hai mươi bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2020.

**Về dân sự:** Áp dụng các Điều 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Trí Th, Lê Văn N phải liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị Th số tiền 3.500.000 đồng (bị cáo Th phải bồi thường số tiền 1.750.000 đồng, bị cáo N phải bồi thường số tiền 1.750.000 đồng). Kể từ ngày chị Bùi Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu Nguyễn Trí Th, Lê Văn N không thi hành được, thì hàng tháng Nguyễn Trí Th, Lê Văn N còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

*“...Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Về án phí:** Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Trí Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Lê Văn N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo N có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà T;
- VKSND TP H;
- VKSND tỉnh Hà T;
- Trại tạm giam Công an Hà T;
- Sở tư pháp Hà T;
- CQĐT CATP H;
- T.H.A.P.T;
- CQTHADS T.P H;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Trần Quốc Dũng**